TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 611/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2017.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh.

2. Bà Đặng Thị Huệ Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Ngày 22 tháng 5 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 305/2017/QĐST-DS ngày 28/4/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Thăng L, sinh năm 1981; địa chỉ: Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thuỳ L1, sinh năm 1983; địa chỉ: Cộng hoà liên bang Đức (vắng mặt).

Có bà Đặng Thị Thu H - Đại diện theo uỷ quyền - trong phạm vi được nhận các thông báo, quyết định, bản án liên quan đến việc giải quyết vụ án (văn bản uỷ quyền ngày 23/3/2017 đã được hợp pháp hoá lãnh sự).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/3/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Hoàng Thăng L trình bày:

Ông và bà Trần Thuỳ L1 tự nguyện đăng ký kết hôn số 2276 quyển 12 ngày 03/9/2013 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, bà L1 trở về nước sinh sống, từ đó vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, mỗi người một nơi, khả năng đoàn tụ không thành. Ông xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Bà Trần Thuỳ L1 trong bản tự khai được Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng Hoà Liên Bang Đức xác nhận chữ ký trình bày: do vợ chồng mỗi người mỗi nơi nên đôi bên ít có sự quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt, bà đề nghị cho ông bà được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Bà xác định con chung và tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Hoàng Thăng L ký đơn yêu cầu được ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định: "Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn". Bà Trần Thuỳ L1 hiện đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: ông Hoàng Thăng L và bà Trần Thuỳ L1 có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng do cuộc sống chung không hạnh phúc, sau khi kết hôn vợ chồng đã không chung sống do bà Trần Thuỳ L1 đã trở lại Đức và vợ chồng không thường xuyên liên lạc. Ông L xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 23/3/2017, chữ ký của bà Trần Thuỳ L1 đã được hợp pháp hoá lãnh sự. Nội dung ủy quyền bà đã uỷ quyền cho bà Đặng Thị Thu H được thay mặt bà nhận các văn bản tố tụng của Toà án.

Các văn bản về việc thụ lý vụ án, về thời gian mở phiên họp hoà giải đã được tống đạt hợp lệ nhưng bà L1 không có văn bản nào khác với ý kiến tại văn bản mà ông L đã cung cấp ngày 23/3/2017.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/3/2017, thông báo thời gian mở phiên toà là ngày 28/4/2016. Ông Hoàng Thăng L và bà Trần Thuỳ L1 có đơn xin vắng mặt. Do trong đơn này, các đương sự không đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên toà lần thứ 1 theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 477 và ấn định thời hạn mở phiên toà lần thứ hai là ngày 22/5/2017. Hôm nay, các đương sự tiếp tục vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét thấy, ông L đã cung cấp chứng cứ là các văn bản ghi ý kiến của bà L1 xác định mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng hàn gắn, bà L1 đồng ý ly hôn; bà xác định không có con chung và không yêu cầu giải quyết về nợ chung, tài sản chung. Các văn bản này đã được hợp pháp hoá lãnh sự nên là chứng cứ có giá trị hợp pháp được công nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 478 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thuỳ L1 đã không có văn bản nêu ý kiến khác và cũng không đến Toà để giải quyết vụ án, đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Đây là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa ông Hoàng Thăng L và bà Trần Thùy L1 không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: ông L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 122, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26; điểm 1.1, mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Thăng L.

a) Về quan hệ hôn nhân: ông Hoàng Thăng L được ly hôn với bà Trần Thuỳ L1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 2276 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2013 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: ông Hoàng Thăng L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền ông L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0033747 ngày 14/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Hoàng Thăng L đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Ông Hoàng Thăng L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, bà Trần Thuỳ L1 được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (T/15).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Điệp